

Số: 477/QĐ-CCKL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2025 (điều chỉnh lần 3) của Chi cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC KIỂM LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tổ chức lại Chi cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở hợp nhất Chi cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Dương và Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 1177/QĐ-SNNMT-VP ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1584/QĐ-SNNMT-KHTC ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (lần 8);

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1 Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 (điều chỉnh lần 3) của Chi cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh (Đính kèm Mẫu số 2).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các Phòng chuyên môn và các đơn vị trực thuộc Chi cục tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng KHTC Sở;
- Website Chi cục;
- Lưu VT, CTMM.



Lâm Tùng Quế



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 (ĐIỀU CHỈNH LẦN 3)

(Kèm theo Quyết định số: 477/QĐ-CCKL ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Chi cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: triệu đồng

ST T	Nội dung	Loại khoản	Điều chỉnh giảm					Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) gồm:						Điều chỉnh tăng
			Chi cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh (cũ)	Hạt Kiểm lâm Tân Uyên - Phú Giáo trực thuộc CCKL tỉnh Bình Dương (cũ)	Hạt Kiểm lâm huyện Đầu Tiếng trực thuộc CCKL tỉnh Bình Dương (cũ)	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Dương (cũ)	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ)	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) gồm:						
								Văn phòng Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm Châu Đức - Bà Rịa	Hạt Kiểm lâm Nuyền Mộc	Hạt Kiểm lâm Long Đất	Hạt Kiểm lâm Vũng Tàu - Phú Mỹ	Hạt Kiểm lâm Côn Đào	
	Mã số quan hệ ngân sách		1060962	1129811	1061837	1034544	1016366	1105689	1019128	1079327	1019369	1019133	1135956	1060962
	Mã KBNN nơi giao dịch		0114	0146	0145	0143	0138	0138	0140	0142	0142	0139	0138	0114
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>							<i>6 = 1 + 2 + 3 + 4 + 5</i>
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí													
1	Số thu phí, lệ phí													
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại													
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước													
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước		77.639	4.209	1.982	19.872	58.267	33.710	4.299	5.149	4.227	5.412	5.470	161.969
1	Chi quản lý hành chính		58.862	-	1.599	16.107	38.626	17.193	3.521	4.393	3.537	4.548	5.434	115.194
1.1	Kinh phí tự chủ	340-341	18.846	-	1.438	5.016	26.235	7.186	3.272	3.825	3.248	3.887	4.817	51.535
	- Kinh phí hoạt động tự chủ	340-341	13.818	-	1.438	3.064	15.765	5.527	2.445	2.876	2.483	2.867	3.567	38.685
	- Kinh phí thực hiện tăng mức lương cơ sở	340-341	5.028	-	-	1.352	6.470	1.659	827	949	765	1.020	1.250	32.850
1.2	Kinh phí đặc thù, không tự chủ		40.016	-	161	11.091	12.391	10.007	249	568	289	661	617	63.659
a	Nguồn cải cách tiền lương		36.292	-	-	9.995	8.185	7.651	60	131	116	98	130	34.473
	- Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố và các văn bản quy định hiện hành (Nguồn CCTL NSTP)	340-341	12.711											12.711
	- Chi thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP (Nguồn CCTL NSTP)	340-341	22.785			9.995	7.436	7.436						40.216
	- Quy tắc thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (Nguồn CCTL NSTP)	340-341	796		-	-	750	215	60	131	116	98	130	1.546
b	Nguồn thưởng xuyên		3.724	-	161	1.096	4.205	2.356	189	437	173	563	487	9.186
	- Quy tắc thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (Nguồn CCTL NSTP)	340-341			69	206								275

ST T	Nội dung	Loại khoản	Điều chỉnh giảm				Chỉ cục Kiểm lâm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) gồm:						Điều chỉnh tăng		
			Chỉ cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh (cũ)	Hạt Kiểm lâm Tân Uyên - Phú Giáo trực thuộc CCKL tỉnh Bình Dương (cũ)	Hạt Kiểm lâm huyện Dầu Tiếng trực thuộc CCKL tỉnh Bình Dương (cũ)	Chỉ cục Kiểm lâm tỉnh Bình Dương (cũ)	Chỉ cục Kiểm lâm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ)	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) gồm:					Chỉ cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh (mới)		
								Văn phòng Chỉ cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm Châu Đức - Bà Rịa	Hạt Kiểm lâm Xuyên Mộc	Hạt Kiểm lâm Long Đất	Hạt Kiểm lâm Vũng Tàu - Phú Mỹ		Hạt Kiểm lâm Côn Đảo	
	- Trợ cấp Tết	340-341	141		10	42									193
	- Phụ cấp thâm niên, phụ cấp nghề Kiểm lâm	340-341	1.917												1.917
	- Nước sinh hoạt 02 Trạm Kiểm lâm	340-341	43												43
	- Đồng phục, trang phục	340-341	327		20	95	391	391							833
	- Kinh phí ISO	340-341	13				15								28
	- Kinh phí thực hiện các biện pháp phòng, chống các hành vi phạm luật lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh (Tuần tra rừng)	340-341						1.190	295	104	266	104	427		1.196
	- Kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo bảo vệ và phát triển rừng	340-341						119	119						119
	- Kinh phí duy trì đường truyền hệ thống camera	340-341					60	60							60
	- Kinh phí đảm bảo XPVPHC	340-341				108	364	41	38	120	25	91	49		672
	- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với công chức và HDLD công tác trên địa bàn huyện Côn Đảo theo Nghị quyết 16/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh	340-341						414					414		414
	- Kinh phí trợ cấp lần đầu điều động công chức từ đất liền ra Côn Đảo theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 06/3/2015 của UBND tỉnh	340-341						24					24		24
	- Đào tạo	340-341			10	60									70
	- Trợ cấp tu dưỡng thạc sĩ	340-341				29									29
	- Phụ cấp hỗ trợ cấp ủy viên Chi bộ	340-341				36									36
	- Chính lý tài liệu	340-341				50									50
	- Trợ cấp thôi việc	340-341				80									80
	- Chi phí xây dựng và vận hành Website của Chỉ cục	340-341				27									27
	- Đảm bảo an toàn thông tin cấp độ 2	340-341				82									82
	- Chi phí trả nhuận bút, thu lao ban biên tập cho website	340-341				5									5
	- Khắc phục sau đình giữ an toàn thông tin (mạng Lan)	340-341				121									121
	- Mua sắm tài sản cố định + Công suất 2HP (02 máy): 36 triệu đồng + Công suất 1,0 HP (06 máy): 65 triệu đồng + Máy vi tính (2 cái) và laptop (1 cái): 45 triệu đồng	340-341	101			45									146
	- Sửa chữa tài sản cố định + Sửa chữa máy photo	340-341	1.182			95	1.440	1.440							2.717
	+ Sửa chữa xe ô tô	340-341				65									65

ST T	Nội dung	Loại khuôn	Điều chỉnh giảm					Chỉ cục Kiểm lâm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) gồm:						Điều chỉnh tăng
			Chỉ cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh (cũ)	Hạt Kiểm lâm Tân Uyên - Phú Giáo trực thuộc CCKL tỉnh Bình Dương (cũ)	Hạt Kiểm lâm huyện Đầu Tiếng trực thuộc CCKL tỉnh Bình Dương (cũ)	Chỉ cục Kiểm lâm tỉnh Bình Dương (cũ)	Chỉ cục Kiểm lâm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ)	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) gồm:						Chỉ cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh (mới)
								Văn phòng Chỉ cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm Châu Đức - Bà Rịa	Hạt Kiểm lâm Núi Mộc	Hạt Kiểm lâm Long Đài	Hạt Kiểm lâm Vũng Tàu - Phú Mỹ	Hạt Kiểm lâm Cỏ Đào	
	+ Sửa chữa xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC) rừng, phòng chống thiên tai; Kiểm tra, kiểm soát lâm sản, truy xuất nguồn gốc lâm sản	340-341	207											207
	+ Sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên hàng năm 12 phương tiện thủy phục vụ công tác bảo vệ rừng	340-341	324											324
	+ Nạo vét lòng rạch ụ bảo quản ghe, ca nô các Trạm Kiểm lâm Gò Đa, Tân An, Lý Nhơn và Hạt Kiểm lâm Cồn Giò (nay là Trạm Kiểm lâm Thanh An, Trạm Kiểm lâm An Thới Đông và Hạt Kiểm lâm Rừng Sác)	340-341	144											144
	+ Sửa chữa máy bơm nước, thiết bị chữa cháy rừng của Hạt Kiểm lâm Cù Chi, Cồn Giò và Đội Kiểm lâm cơ động & PCCC rừng (nay là Hạt Kiểm lâm Rừng Sác và Đội Kiểm lâm cơ động và PCCC rừng số 1)	340-341	9											9
	+ Sửa chữa Trụ sở làm việc và công trình phụ - Trạm Cứu hộ động vật hoang dã (nay là Đội Kiểm lâm cơ động và PCCC rừng số 1)	340-341	305											305
	+ Chống dột trú sở làm việc, chống ngập sản trước Hạt Kiểm lâm Cù Chi (nay là Đội Kiểm lâm cơ động và PCCC rừng số 1)	340-341	193											193
	+ Kinh phí sửa chữa trạm kiểm lâm rừng ngập mặn	340-341					1.440	1.440						1.440
	- Kinh phí Đứng KV2	340-341		52										249
	- Kinh phí Đứng KV3	340-351					197	10	47	51	44	45		-
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ						15	15						15
	- Kinh phí ISO	100-103					15	15						15
3	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo						301	301						301
	- Kinh phí đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức cơ quan	070-085					121	121						121
	- Kinh phí hỗ trợ tư đào tạo sau đại học (Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND; Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND)	070-085					30	30						30
	- Kinh phí mở lớp bồi dưỡng tiêu chuẩn, kiến thức, kỹ	070-085					150	150						150
4	Chi báo đảm xã hội						501	154	67	85	75	84	36	501
	+ Kinh phí trợ cấp 30/4	370-398					208	58	24	32	28	30	26	208
	+ Kinh phí trợ cấp Tết	370-398					293	96	43	53	47	54		293

ST T	Nội dung	Loại khoản	Điều chỉnh giảm					Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) gồm:						Điều chỉnh tăng
			Chi cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chi Minh (cũ)	Hạt Kiểm lâm Tân Uyên - Phú Già trực thuộc CCKL tỉnh Bình Dương (cũ)	Hạt Kiểm lâm huyện Đầm Tiêng trực thuộc CCKL tỉnh Bình Dương (cũ)	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Dương (cũ)	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ)	Văn phòng Chi cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm Châu Đức - Bà Rịa	Hạt Kiểm lâm Xuyên Mộc	Hạt Kiểm lâm Long Đất	Hạt Kiểm lâm Vũng Tàu - Phú Mỹ	Hạt Kiểm lâm Côn Đảo	Chi cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh (mới)
5	Chi tự nghiệp hoạt động kinh tế (Sự nghiệp nông - lâm - thủy lợi)	280-282	18.777	4.209	383	3.765	18.824	16.047	711	671	615	780	45.928	
5.1	Kinh phí tự chủ			2.497	-	-	-						2.497	
	- Kinh phí hoạt động tự chủ	280-282		1.846									1.846	
	- Kinh phí thực hiện tăng mức lương cơ sở	280-282		651									651	
5.2	Kinh phí không tự chủ		18.777	1.712	383	3.765	18.824	16.047	711	671	615	780	43.461	
	- Nguồn cải cách tiền lương			-	-	-	-						-	
	- Chi thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP (Nguồn CCTL NSTP)	280-282		-									-	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (Nguồn CCTL NSTP)	280-282		-									-	
	- Nguồn thường xuyên		18.777	1.712	383	3.765	18.824	16.047	711	671	615	780	43.461	
a	Cải nghiệp vụ thường xuyên		3.522	1.270	-	315	-	-	-	-	-	-	5.107	
	- Trục phòng cháy rừng 6 tháng	280-282	1.232										1.232	
	- Tổ chức kiểm tra định kỳ về công tác bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng của Ban chỉ huy cấp Thành phố	280-282	12										12	
	- Cảnh báo cháy rừng trên Đài truyền hình	280-282	27										27	
	- Chi phí chữa cháy rừng	280-282	22										22	
	- Khen thưởng công tác bảo vệ, PCCC rừng	280-282	12										12	
	- Hội nghị tổng kết công tác bảo vệ rừng cấp Thành phố	280-282	54										54	
	- Theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp	280-282	97			80							177	
	- Chi phí cứu hộ động vật hoang dã	280-282	801										801	
	- Sửa, sơn bảng tuyên truyền bảo vệ, PCCC rừng và bảng quy ước trong cộng đồng dân cư	280-282	175										175	
	- Tập huấn nghiệp vụ Kiểm lâm	280-282	23										23	
	- Hội nghị tình hình giáp ranh Bà Rịa - Vũng Tàu và TP.HCM	280-282	9										9	
	- Tham gia lớp huấn luyện chữa cháy do CATP tổ chức	280-282	60										60	
	- Tham gia lớp tập huấn vũ khí, công cụ hỗ trợ	280-282	90										90	
	- Đào tạo tài công điều khiển ca nô	280-282	26										26	
	- Nhiên liệu công tác bảo vệ và PCCC rừng	280-282	628										628	

ST T	Nội dung	Loại khoản	Điều chỉnh giảm						Chỉ cục Kiểm lâm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) gồm:						Điều chỉnh tăng
			Chỉ cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh (cũ)	Hạt Kiểm lâm Tân Uyên - Phú Giáo trực thuộc CCKL tỉnh Bình Dương (cũ)	Hạt Kiểm lâm huyện Dầu Tiếng trực thuộc CCKL tỉnh Bình Dương (cũ)	Chỉ cục Kiểm lâm tỉnh Bình Dương (cũ)	Chỉ cục Kiểm lâm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ)	Văn phòng Chỉ cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm Châu Đức - Bà Rịa	Hạt Kiểm lâm Xuyên Mộc	Hạt Kiểm lâm Long Đất	Hạt Kiểm lâm Vũng Tàu - Phú Mỹ	Hạt Kiểm lâm Cỏ Ống	Chỉ cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh (mới)	
	- Chi phí hoạt động xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản	280-282	254												254
	- Phòng cháy chữa cháy rừng	280-282					90								90
	- Kiểm tra thú nuôi nhốt	280-282					60								60
	- Truy quét lâm sản, tuyên truyền GDPL	280-282					50								50
	- Tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ thiết yếu lĩnh vực nông nghiệp và PENT	280-282					35								35
	- Chi đào tạo, trang phục	280-282		32											32
	- Chi sửa chữa lớn TSCĐ (nhà cửa, xe ô tô...)	280-282		27											27
	- Chi chăm sóc phòng chống cháy rừng	280-282		56											56
	- Chi tiền sít: 08 người x 2.000.000 đ/người	280-282		16											16
	- Chi hoạt động chi bộ (phụ cấp cấp ủy, phụ cấp công tác, văn phòng phẩm, tài liệu, khen thưởng, học tập tu dưỡng Hồ Chí Minh, khung khen, giấy khen, nước uống...)	280-282		42											42
	- Chi thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP (Nguồn CCTL NSTP)			1.004											1.004
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (Nguồn CCTL NSTP)			93											93
b	Các Chương trình		629												629
	- Chương trình quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản (QĐ 1305/QĐ-UBND ngày 15/4/2021)	280-282	194												194
	- Chương trình quản lý phát triển Cà sù và động vật hoang dã (QĐ 495/QĐ-UBND ngày 15/3/2021)	280-282	352												352
	- Chương trình quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng (QĐ 1886/QĐ-UBND ngày 21/5/2021)	280-282	83												83
c	Thực hiện nhiệm vụ lâm nghiệp		14.626	442	383	3.450	18.824	16.047	711	671	615	780			37.725
	- Trồng cây phân tán	280-282	6.300			600	67	67							6.967
	- Trồng cây Lễ 195	280-282	585												585
	- Tổng kết Chương trình quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản và Xây dựng "Chương trình quản lý lâm sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026-2030"	280-282	27												27



ST T	Nội dung	Loại khoản	Điều chỉnh giảm					Chỉ cục Kiểm lâm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) gồm:						Điều chỉnh tăng
			Chỉ cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chi Minh (cũ)	Hạt Kiểm lâm Tân Uyên - Phú Giáo trực thuộc CCKL tỉnh Bình Dương (cũ)	Hạt Kiểm lâm huyện Đầu Tiếng trực thuộc CCKL tỉnh Bình Dương (cũ)	Chỉ cục Kiểm lâm tỉnh Bình Dương (cũ)	Chỉ cục Kiểm lâm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ)	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) gồm:						Chỉ cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chi Minh (mới)
								Văn phòng Chỉ cục Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm Châu Đức - Bà Rịa	Hạt Kiểm lâm Xuyên Mộc	Hạt Kiểm lâm Long Đất	Hạt Kiểm lâm Vũng Tàu - Phú Mỹ	Hạt Kiểm lâm Côn Đảo	
	- Tổng kết Chương trình quản lý, phát triển Cà sấu và động vật hoang dã và Xây dựng "Chương trình quản lý, phát triển động vật hoang dã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026-2030"	280-282	27											27
	- Tổng kết Chương trình Quản lý bảo vệ rừng và Phòng cháy, chữa cháy rừng và Xây dựng "Chương trình Quản lý bảo vệ rừng và Phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026-2030"	280-282	27											27
	- Đề án "Xây dựng, theo dõi, cập nhật thường xuyên dữ liệu về đa dạng sinh học"	280-282	90											90
	- Đề án "Đánh giá chất lượng và khả năng hấp thụ, lưu giữ carbon từ rừng"	280-282	180											180
	- Kế hoạch Điều tra rừng trên địa bàn TP. HCM	280-282	7.390				2.700	13.640	13.640					23.730
	- Kinh phí nâng cao năng lực KLĐH	280-282						493	399	18	18	20	38	493
	- Chi phòng cháy, chữa cháy rừng	280-282						4.624	1.941	693	653	393	742	4.624
	- Dự án nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và PCCCR trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2023-2030.	280-282			73	40								113
	- Nuôi dưỡng rừng, phòng trừ mối và tu bổ đường hầm PCCCR khu rừng trồng Gò Sỏi.	280-282				110								110
	- Chi nhiên liệu phục vụ công tác phòng chống cháy rừng và công tác trung quét lâm sản, Chi Tồn trữ cây 19/5 đơn đôn như m Bác Hồ, Chi tập huấn, tuyên truyền pháp luật bằng loa loa động, Chi hàng hóa, vật tư, chuyên môn ngành, Chi công tác xử phạt vi phạm hành chính (trac thủc ăn phục vụ công tác tiếp nhận động vật hoang dã tự nguyện giao nộp), Chi dự án nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, chi khác	280-282		386										386
	- Chăm sóc, nuôi dưỡng rừng trồng, cây phòng chống cháy vượn Đâu khu vực rừng kiến An, hợp đồng công tác QLBYR, PCCR lịch sử kiến An (7 tháng nắng): 02 người x 4trđ/đh/người x 7th = 56trđ, dẫn tập PCCC rừng, dự phòng khi có cháy rừng xảy ra; kinh phí truy quét, tuyên truyền PBGDPL.	280-282				310								310
	Tiêu kiểm 10% CCTL (Hạt KL Tân Uyên - Phú Giáo)	280-282		56										56